BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
_____	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 27/2023/TT-BTC	----------
	Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2023

THÔNG TƯ

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng

----

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật (phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở), phí thẩm định dự toán xây dựng khi thực hiện thẩm định thiết kế, dự toán các công trình xây dựng theo quy định tại Luật Xây dựng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Nghị

định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

a) Người nộp phí.

b) Tổ chức thu phí.

c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, phí thẩm định dự toán xây dựng.

Điều 2. Người nộp phí

Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình tại khoản 26 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP khi được cơ quan chuyên môn về xây dựng, cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư có thẩm quyền thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, thẩm định dự toán xây dựng phải nộp phí theo quy định tại Thông tư này. Chủ đầu tư nộp phí khi nhận kết quả thẩm định.

Điều 3. Tổ chức thu phí

Cơ quan chuyên môn về xây dựng, cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư (cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập) có thẩm quyền thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP là tổ chức thu phí.

Điều 4. Mức thu phí

1. Mức thu phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, phí thẩm định dự toán xây dựng thực hiện theo quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư này. Mức thu phí tính theo tỷ lệ % trên chi phí xây dựng trong dự toán công trình đề nghị thẩm định được áp dụng tại từng cơ quan thẩm định.

2. Xác định số tiền phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, phí thẩm định dự toán xây dựng phải thu:

a) Số phí thẩm định phải nộp được xác định theo công thức sau:

Số phí thẩm định phải nộp = Chi phí xây dựng x Mức thu phí.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng (theo quy định pháp luật về quản lý chi phí xây dựng) chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng trong dự toán công trìnhđề nghị thẩm định.

- Mức thu phí theo quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, phí thẩm định dự toán xây dựng tối đa không quá 150.000.000 đồng/chi phí thẩm định/cơ quan thẩm định và tối thiểu không dưới 500.000 đồng/chi phí thẩm định/cơ quan thẩm định.

3. Trường hợp công trình có chi phí xây dựng nằm trong khoảng giữa các chi phí xây dựng ghi trên Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư này thì số phí thẩm định được xác định theo công thức sau:

$$N_t = N_b - \{\frac{N_b - N_a}{G_a - G_b} \times (G_t - G_b)\}$$

Trong đó:

- N_t : Mức thu theo chi phí xây dựng cần tính (đơn vị tính: Tỷ lệ %);

- G_t : Chi phí xây dựng cần tính định mức (đơn vị tính: Giá trị công trình);

- G_a : Chi phí xây dựng cận trên chi phí cần tính định mức (đơn vị tính: Giá trị);

- G_b : Chi phí xây dựng cận dưới chi phí cần tính định mức (đơn vị tính: Giá trị);

- N_a : Mức thu tương ứng với G_a (đơn vị tính: Tỷ lệ %);

- N_b : Mức thu tương ứng với G_b (đơn vị tính: Tỷ lệ %).

4. Đối với dự án đầu tư xây dựng điều chỉnh thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng:

a) Trường hợp điều chỉnh thiết kế, dự toán mà có sử dụng nội dung thẩm định thiết kế xây dựng hoặc dự toán xây dựng đã thẩm định trước khi điều chỉnh: Mức thu phí bằng 50% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Trường hợp điều chỉnh thiết kế, dự toán không sử dụng nội dung đã thẩm định trước khi điều chỉnh: Mức thu phí bằng 100% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Kê khai, nộp phí

1. Người nộp phí thực hiện nộp phí theo mức thu quy định tại Điều 2 và Điều 4 Thông tư này cho tổ chức thu phí theo hình thức quy định tại Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính.

2. Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước.

Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, thu, nộp và quyết toán phí theo quy định tại Thông tư số 74/2022/TT-BTC.

Điều 6. Quản lý và sử dụng phí

1. Tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước (phí do cơ quan trung ương quản lý thu thì nộp vào ngân sách trung ương, phí do cơ quan địa phương quản lý thu thì nộp vào ngân sách địa phương). Nguồn chi phí

trang trải cho việc thẩm định và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Trường hợp tổ chức thu phí được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phíđược để lại 90% trên số tiền phí thẩm định thu được để trang trải chi phí cho việc thẩm định và thu phí; nộp 10% trên số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập được để lại 90% trên số tiền phí thẩm định thu được để trang trải chi phí cho việc thẩm định và thu phí; nộp 10% trên số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước (phí do đơn vị thuộc trung ương quản lý thu thì nộp vào ngân sách trung ương, phí do đơn vị thuộc địa phương quản lý thu thì nộp vào ngân sách địa phương)theo chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

3. Tiền phí được để lại theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

2. Bãi bỏ Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng.

3. Đối với các dự án đầu tư xây dựng, cơ quan có thẩm quyền đã thực hiện đầy đủ các bước thẩm định theo quy định nhưng chưa có thông báo kết quả thẩm định trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tổ chức thu phí thực hiện thu phí khi trả kết quả thẩm định và mức thu phí theo quy định tại Thông tư số 210/2016/TT-BTC_._

4. Các nội dung khác liên quan đến thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí không quy định tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại các văn bản: Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP; Luật Quản lý thuế; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP; Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước; Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ và Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

5. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

6. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp phí và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, hướng dẫn./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội; - Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Toà án Nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cơ quan Trung ương của các Hội, Đoàn thể;
- Sở Tài chính, Cục Thuế, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST (350b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
Đã ký
Cao Anh Tuấn

BIỂU MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ, PHÍ THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN XÂY DỰNG

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

1. Phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

Số TT	Loại công trình	Chi phí xây dựng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) trong dự toán công trình đề nghị thẩm định (tỷ đồng)									
		≤ 15	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	≥ 8.000	
1	Công trình dân dụng	0,165	0,11	0,085	0,065	0,05	0,041	0,029	0,022	0,019	
2	Công trình công nghiệp	0,19	0,126	0,097	0,075	0,058	0,044	0,035	0,026	0,022	
3	Công trình giao thông	0,109	0,072	0,055	0,043	0,033	0,025	0,021	0,016	0,014	

Số TT	Loại công trình	Chi phí xây dựng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) trong dự toán công trình đề nghị thẩm định (tỷ đồng)									
		≤ 15	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	≥ 8.000	
4	Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	0,121	0,08	0,061	0,048	0,037	0,028	0,023	0,017	0,014	
5	Công trình hạ tầng kỹ thuật	0,126	0,085	0,065	0,05	0,039	0,03	0,026	0,019	0,017	

2. Phí thẩm định dự toán xây dựng

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

Số TT	Loại công trình	Chi phí xây dựng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) trong dự toán công trình đề nghị thẩm định (tỷ đồng)									
		≤ 15	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	≥ 8.000	
1	Công trình dân dụng	0,16	0,106	0,083	0,062	0,046	0,038	0,028	0,021	0,018	
2	Công trình công nghiệp	0,185	0,121	0,094	0,072	0,055	0,041	0,033	0,023	0,02	
3	Công trình giao thông	0,106	0,068	0,054	0,041	0,031	0,024	0,02	0,014	0,012	
4	Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	0,117	0,076	0,06	0,046	0,035	0,026	0,022	0,016	0,014	
5	Công trình hạ tầng kỹ thuật	0,122	0,082	0,062	0,047	0,037	0,029	0,024	0,017	0,014	

Thông tư số 44/2023/TT-BXD ngày 29/06/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp: Kể từ ngày 01/07/2023 đến hết ngày 31/12/2023 mức thu:

a) Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật (phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở)

b) Phí thẩm định dự toán xây dựng

Bằng 50% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, phí thẩm định dự toán xây dựng ban hành kèm theo Thông tư 27/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 05 năm 2023 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng